

Bản án số: 20/2017/HC-ST

Ngày: 29/8/2017

V/v “*Khiếu kiện quyết định thu hồi
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Tiến Công

2. Nguyễn Thị Kim Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Hồng Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 51/2017/TLST-HC ngày 06 tháng 6 năm 2017 về việc “*Khiếu kiện quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phạm Văn M, sinh năm 1946; có mặt

Bà Đoàn Thị A, sinh năm 1957.

Cư trú: Số 350, tổ 07, ấp A, xã M, huyện M, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị A là ông Phạm Văn M (Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2017)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn M là Luật sư Phạm Thái B - Văn phòng Luật sư B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh An Giang

Ủy quyền cho ông Ngô Hoàng H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M (Văn bản ủy quyền ngày 15/7/2016), vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện M ông

Nguyễn Văn V – Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Ông Phạm Văn M, ông Phạm Văn N là con của ông Phạm Ngọc Đ. Ông Đ có diện tích đất phía mé sông và trên bờ, ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Ngày 25/6/2009, ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A được Ủy ban nhân dân huyện M cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số H01531eB, diện tích 890,8m² loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm thuộc tờ bản đồ số 44, thửa số 18. Đất tọa lạc tại ấp A, xã M. Trong diện tích này, ngày 02/7/2009, ông Đ chuyển nhượng cho ông Dương Mai Thanh S 618,1m², diện tích còn lại 272.2m², được thể hiện ở trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2014, ông Phạm Văn N đốn cây trên diện tích này để cất nhà cho con thì ông M tranh chấp.

Ngày 02/4/2014, ông Phạm Văn N gửi Đơn khiếu nại đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn M trùng lên diện tích đất ông được cấp Giấy năm 2001.

Ngày 29/3/2017, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định số 413/QĐ-UBND (Quyết định 413/QĐ-UBND) về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nội dung:

“Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01531eB do Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 25/6/2009, diện tích 272,7m² loại đất ở tại nông thôn, do ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A đứng tên, thuộc tờ bản đồ số 44, thửa số 82. Đất tọa lạc tại ấp A, xã M

Lý do: Cấp giấy không đúng quy định của pháp luật”

Ngày 28/4/2017, ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang yêu cầu hủy Quyết định 413/QĐ-UBND vì quyết định này làm thiệt hại đến quyền lợi của ông bà.

Ngày 26/6/2017, Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Công văn số 1015/UBND-NC ý kiến về việc thụ lý vụ án hành chính. Tại Văn bản này, Ủy ban nhân dân huyện M cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01531eB diện tích 890,8m² loại đất ở tại nông thôn và đất trồng cây lâu năm cho ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A đã trùng vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04192/eB, diện tích 1021,7m² loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, trùng tại thửa số 18, tờ bản đồ số 44, diện tích 432m² đất ở nông thôn đã cấp cho ông Phạm Văn N. Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

+ Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu hủy Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M.

+ Người bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn M hủy Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Quyết định này được ban hành không đúng trình tự thủ tục như: Chưa làm rõ tính hợp pháp của các thửa được nêu trong Hồ sơ kỹ thuật khu đất và số thửa nêu trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 18 hay thửa 82; việc ban hành quyết định thu hồi đất chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 01/2017/NĐ-CP là chỉ thu hồi giấy chứng nhận đã cấp sau khi có Kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp và phải thông báo cho người bị thu hồi giấy biết rõ lý do. Một phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông Dương Mai Thanh S được Nhà nước công nhận là đã công nhận tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M, vì: Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M, bà A là có căn cứ; về thủ tục tuy không có Kết luận Thanh tra nhưng Ủy ban nhân dân huyện M đã giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M xác minh làm rõ; tại phiên tòa ông M thừa nhận diện tích ông được cấp Giấy trùng với diện tích ông N được cấp Giấy đúng như Báo cáo xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[3]. Về thẩm quyền giải quyết: Ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 29/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Luật Tổ tụng hành chính.

[4]. Thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 413/QĐ-UBND ban hành ngày 29/3/2017, đến ngày 28/4/2017, ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A khởi kiện là còn trong thời hạn được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[5]. Về quyền khởi kiện: Căn cứ Điều 115 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A có quyền khởi kiện.

[6]. Về người tham gia tố tụng: Đối tượng khởi kiện là Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 26/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện M, nên người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện M.

[7]. Việc ủy quyền: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M ủy quyền cho ông Ngô Hoàng H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M. Việc Ủy quyền này phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 60 của Luật Tố tụng hành chính, nên được Tòa án chấp nhận.

[8]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ, đối thoại lần nhất do vắng mặt ông Ngô Hoàng H đại diện theo Ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện M (việc vắng mặt không lý do). Tòa án hoãn phiên đối thoại, sau khi hoãn phiên đối thoại thì ông Phạm Văn M có Đơn xin không tham gia đối thoại lần hai (Bút lục 71), Ủy ban nhân dân huyện M có Đơn đề nghị được vắng mặt trong tất cả các thủ tục tố tụng (Bút lục 72), thuộc trường hợp không tiến hành đối thoại được theo quy định tại khoản 3 Điều 135 của Luật Tố tụng hành chính.

[9]. Tại phiên tòa hôm nay, Ủy ban nhân dân huyện M có Đơn đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Luật Tố tụng hành chính.

[10]. Về nội dung:

[11]. Xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 413/QĐ-UBND

[12]. Về hình thức của Quyết định số 413/QĐ-UBND được thể hiện bằng văn bản là phù hợp quy định của pháp luật.

[13]. Thẩm quyền ban hành, Ủy ban nhân dân huyện M là cơ quan ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên có thẩm quyền ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013.

[14]. Về nội dung của Quyết định số 413/QĐ-UBND

[15]. Ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho năm 2009 đối với thửa 82, Bản đồ số 44 thì thửa này được xác định là trùng thửa đã cấp cho ông N thể hiện qua Công văn số 3714/CNCM-ĐĐ ngày 04/10/2016 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh M về việc phúc đáp Công văn số 194 của Phòng Tài nguyên và Môi trường (Bút lục 41). Tuy hai thửa đất có số thửa khác nhau (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M, bà Á ghi số thửa 82 (Bút lục 16); Hồ sơ kỹ thuật khu đất ghi số thửa 18 (Bút lục 15), nhưng tại phiên tòa ông M trình bày đất bị thu hồi Giấy phía mé sông, có nhà ông T trên đất, phù hợp với thực tế Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông N thửa 18 phía mé sông có nhà ông T. Do cấp Giấy chứng nhận trùng thửa 18 đã cấp cho ông N năm 2001, nên Ủy ban nhân dân huyện M ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A là đúng quy định của pháp luật.

[16]. Đối với diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông Dương Mai Thanh S năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện M không thu hồi đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S là để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người thứ ba ngay tình. Việc này phù hợp quy định tại khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[17]. Về trình tự thủ tục khi thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A. Theo quy định tại khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013 thì Ủy ban thu hồi Giấy sau khi có Kết luận của cơ quan Thanh tra cùng cấp. Trong hồ sơ không thể hiện có kết luận của cơ quan Thanh tra mà chỉ có Báo cáo xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện M là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013.

[18]. Trước khi ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân huyện M không thông báo cho ông M và bà A biết rõ lý do của việc thu hồi là đã vi phạm điểm b khoản 4 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ.

[19]. Quyết định số 413/QĐ-UBND chỉ căn cứ: Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai, nhưng không nêu cụ thể điểm, khoản, điều của các văn bản quy phạm pháp luật này, trong khi các văn bản này quy định rất nhiều vấn đề, nên việc căn cứ chung chung như trong Quyết định số 413/QĐ-UBND là không chính xác.

[20]. Do đó, khởi kiện của ông Phạm Văn M, bà Đoàn Thị A và đề nghị của Luật sư hủy Quyết định số 413/QĐ-UBND có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận;

[21]. Kiểm sát viên đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông M và bà A, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[22]. Về án phí hành chính sơ thẩm:

[23]. Ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[24]. Ủy ban nhân dân huyện M phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

[25]. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 206, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A

- Ủy ban Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 29 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện M về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

- Về án phí hành chính sơ thẩm:

+ Ông Phạm Văn M và bà Đoàn Thị A không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được nhận lại 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0015943 ngày 05/6/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

+ Ủy ban nhân dân huyện M phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện M là 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh AG;
- Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- VP, KTNV-THA, THC;
- Cục THADS tỉnh An Giang (khi Bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Nguyễn